

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2025/HNGĐ - ST
Ngày 17 - 02 - 2025
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Chí Thêm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Sol**

Ông **Trần Quốc Trí**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Hồ Văn Mil** – Thư ký Tòa án

Trong ngày 17 tháng 02 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 721/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Bích P**, sinh năm 1990 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Hoàng S**, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 12 năm 2024 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích P trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh S quen biết và qua tìm hiểu quyết định tiến tới hôn nhân, anh chị tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 46/2018 ngày 09 tháng 3 năm 2018.

Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng dần về sau anh S thay đổi quan điểm sống từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng thường hay bất hòa và xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được. Hiện tại, chị và anh S không còn sống chung với nhau nữa, ly thân nhau đã lâu. Nay chị xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích

hôn nhân không đạt, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng S.

Về con chung: Anh chị có một người con chung tên là Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2018. Hiện nay, cháu L đang sống với anh S. Khi ly hôn, chị yêu cầu giao cháu L cho anh S được tiếp tục nuôi dưỡng, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Hoàng S đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án theo giấy triệu tập và cũng không gửi cho Tòa án văn bản ý kiến của mình nên không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Bích P nộp đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Hoàng S. Khi khởi kiện, anh S cư trú tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Bích P có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị P theo quy định khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Hoàng S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh S theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Chị P và anh S tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46/2018 ngày 09 tháng 3 năm 2018 nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Qua trình bày của chị P về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị P và anh S, chị P yêu cầu được ly hôn với anh S. Anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị P. Xét thấy, hôn nhân bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Hôn nhân giữa chị P và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị P yêu cầu được ly hôn với anh S là có căn cứ, phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Chị P và anh S có một con chung là Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2018. Hiện nay, cháu L do anh S đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị P yêu cầu giao cháu L cho anh S tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, anh S không có ý kiến gì về yêu cầu của chị P và hiện tại cháu L đang được anh S nuôi dưỡng. Hơn nữa, để đảm bảo sự ổn định sinh hoạt, ăn ở, học hành, chăm sóc, nuôi dạy cháu L. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị P giao con chung là cháu L cho anh S là chính đáng và phù hợp nên được chấp nhận. Giao cháu Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2018 cho anh S tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Anh S không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Bích P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ chung, nợ riêng: Chị Nguyễn Thị Bích P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị Bích P phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 2 Điều 227, khoản 2 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các điều 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích P đối với anh Nguyễn Hoàng S. Xử cho chị Nguyễn Thị Bích P được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng S.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2018 cho anh Nguyễn Hoàng S tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị Nguyễn Thị Bích P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Bích P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung, nợ riêng: Chị Nguyễn Thị Bích P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích P phải chịu số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018989 ngày 10 tháng 12 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Cà Mau. Chị Nguyễn Thị Bích P đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Chí Thêm